



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 38

2022
CÔNG
CH NHIỆM
M TOÁN V
VIỆT
GIẤY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 06/07/2020)
Ông Lê Vinh Việt	Phó chủ tịch (hết nhiệm kỳ Chủ tịch từ ngày 06/07/2020)
Ông Hoàng Quốc Huy	Thành viên (hết nhiệm kỳ Phó chủ tịch từ ngày 06/07/2020)
Ông Hán Công Khanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Vinh Việt	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2020)
Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2020)
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Cẩm Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Tiến Đạt	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 28/10/2020)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM



Phạm Thị Cẩm Anh

Phó Tổng giám đốc

(Giấy ủy quyền số 04/UQ-HHVN ngày 15/01/2020)

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Số: 162 -21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản Công ty mua lại 20% vốn góp của Ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 với giá trị là 77.022.500.000 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là một khoản tổn thất theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015 và Công ty đã thực hiện ghi nhận 50% giá trị khoản tổn thất tương ứng với giá trị 38.511.250.000 đồng vào Chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh năm 2015. Phần còn lại của khoản tổn thất nêu trên được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 với giá trị 6.000.000.000 đồng. Tại ngày lập Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của khoản đầu tư nêu trên và không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khoản đầu tư nêu trên là tổn thất. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị có thể thu hồi khoản phải thu khác của Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011 với số dư tại ngày 31/12/2020 là 11.347.160.000 đồng cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán khác để đánh giá giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu nêu trên hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào đồng thời chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty này (nếu có). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để có thể đánh giá giá trị của khoản đầu tư nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến” như trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Thị Hồng Vân

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.623.387.069	332.455.340.267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	33.785.111.086	6.832.996.575
1. Tiền	111		31.577.807.074	5.504.977.546
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.207.304.012	1.328.019.029
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.038.076.027	116.282.749.248
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	54.734.340.421	33.903.950.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	21.880.671.080	61.125.384.519
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	60.200.000.000	60.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	22.248.620.426	22.078.969.818
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	187.376.935.836	201.529.263.678
1. Hàng tồn kho	141		187.376.935.836	201.529.263.678
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.423.264.120	7.810.330.766
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.055.301.020	7.657.468.358
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	367.963.100	152.862.408
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267.637.750.728	268.498.880.431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.099.639.481	12.463.231.048
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	11.099.639.481	12.463.231.048
- Nguyên giá	222		28.911.100.182	31.639.931.845
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.811.460.701)	(19.176.700.797)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.083.552.497	3.372.787.423
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	4.083.552.497	3.372.787.423
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.	219.317.057.317	220.140.858.149
1. Đầu tư vào công ty con	251		211.393.080.000	211.393.080.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.800.000.000	30.800.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.076.522.683)	(28.252.721.851)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.137.501.433	32.522.003.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	33.137.501.433	32.522.003.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		589.261.137.797	600.954.220.698

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C NỢ PHẢI TRẢ	300		338.211.705.877	357.079.190.689
I. Nợ ngắn hạn	310		319.092.797.673	355.582.524.777
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	101.275.379.305	118.211.994.207
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	174.995.493.000	185.521.197.570
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	372.008.680	29.367.100
4. Phải trả người lao động	314		180.750.000	512.316.150
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	7.194.531.472	835.604.126
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	2.780.873.021	1.472.010.495
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	32.014.145.210	48.478.669.871
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		279.616.985	521.365.258
II. Nợ dài hạn	330		19.118.908.204	1.496.665.912
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12.	8.296.908.204	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	10.822.000.000	1.496.665.912
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		251.049.431.920	243.875.030.009
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	251.049.431.920	243.875.030.009
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(21.118.002.077)	(21.118.002.077)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.897.888.303	23.897.888.303
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.659.480.706)	(22.833.882.617)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		(22.833.882.617)	(23.446.628.159)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.174.401.911	612.745.542
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		589.261.137.797	600.954.220.698

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Hoa Vinh

Lê Hoài Thu

Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	222.049.493.820	189.933.597.105
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		222.049.493.820	189.933.597.105
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	197.267.805.856	178.468.257.302
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.781.687.964	11.465.339.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	426.958.835	678.156.263
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	4.267.381.381	5.132.250.039
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.443.580.549	3.755.175.979
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5.	14.787.719.363	16.448.990.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		6.153.546.055	(9.437.744.188)
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	3.805.158.102	12.616.908.962
12. Chi phí khác	32	VI.7.	2.784.302.246	2.225.007.876
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		1.020.855.856	10.391.901.086
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.174.401.911	954.156.898
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	-	341.411.356
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.174.401.911	612.745.542

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Hoa Vinh

Lê Hoài Thu

Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

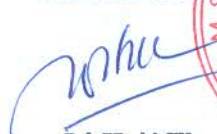
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.174.401.911	954.156.898
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.461.733.254	2.346.369.692
- Các khoản dự phòng	03		823.800.832	1.377.074.060
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.232.116.937)	(2.195.947.206)
- Chi phí lãi vay	06		3.443.580.549	3.755.175.979
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.671.399.609	6.236.829.423
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.916.808.850	179.774.696.241
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.152.327.842	(101.088.604.207)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.635.142.966)	(37.285.790.549)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(615.497.622)	36.787.204
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.294.983.549)	(3.755.175.979)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(351.002.956)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(241.748.273)	(8.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.953.163.891	43.558.939.177
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.124.773.069)	(179.017.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.121.024.410	1.517.790.943
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.200.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(31.416.500.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		141.889.852	189.891.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		138.141.193	(25.687.835.530)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5.961.958)
2. Tiền thu từ đi vay	33		100.831.239.511	130.003.602.041
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(107.970.430.084)	(174.218.229.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.139.190.573)	(44.220.589.225)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		26.952.114.511	(26.349.485.578)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.832.996.575	33.182.482.153
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	33.785.111.086	6.832.996.575

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Phó Tổng giám đốc



Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 ngày 14 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 18 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 18 ngày 20 tháng 01 năm 2021 về thay đổi trụ sở, thì vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Các hoạt động kinh doanh khác./.

Trụ sở Công ty tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom đối với cổ phiếu của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam (MCK:PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 đồng chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần (trong đó: Số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu).

Đến thời điểm 31/12/2020, Cổ phiếu Công ty vẫn bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Cấu trúc doanh nghiệp****a) Danh sách các công ty con, công ty liên kết****a1) Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Quyền biểu quyết
1. Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Số 18, ngõ 4 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng các công trình	75,5%	75,5%
2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	63,85%	63,85%

a2) Danh sách các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, Thuận Thành, Bắc Ninh	Cung cấp gạch trung áp các loại	43,83%	43,83%
2. Công ty CP Các giải pháp nội thất	Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	33%	33%

b) Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**Thông tin về Chi nhánh:**

Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, địa chỉ: Số 96/108 Đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Ngày 28/10/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐQT về việc giải thể Chi nhánh Hồ Chí Minh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.6.) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và Ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 - 36 tháng.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay của Công ty tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí các công trình, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình, hạng mục đã hoàn thành.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu bán bất động sản và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

17.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% cho các dịch vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền	31.577.807.074	5.504.977.546
Tiền mặt	972.380.022	2.125.814.963
Tiền gửi ngân hàng	30.605.427.052	3.379.162.583
Các khoản tương đương tiền	2.207.304.012	1.328.019.029
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng (*)	2.207.304.012	1.328.019.029
Cộng	33.785.111.086	6.832.996.575

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch	4.359.864.318	-	4.359.864.318	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	33.174.529.020	-	11.866.138.474	-
Công ty CP Hancorp	9.642.718.584	-	8.955.707.204	-
Các đối tượng khác	7.557.228.499	-	8.722.240.815	-
Cộng	54.734.340.421	-	33.903.950.811	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3.

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Aluking quốc tế	4.565.601.794	4.065.601.794
Công ty CP Sông đáy Hồng hà Dầu khí	3.274.029.330	2.036.737.555
Công ty CP Hancorp	5.091.919.840	5.701.919.840
Công ty CP Armephaco	-	23.908.424.850
Công ty TNHH Nghiêm Sing	-	5.405.412.784
Công ty CP Mes-engineering Việt Nam	-	6.147.000.000
Các đối tượng khác	8.949.120.116	13.860.287.696
Cộng	21.880.671.080	61.125.384.519

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	211.393.080.000	-	211.393.080.000	211.393.080.000	-	211.393.080.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội (1)	9.060.000.000	-	9.060.000.000	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (2)	202.333.080.000	-	202.333.080.000	202.333.080.000	-	202.333.080.000
- Đầu tư vào công ty liên kết	30.800.000.000	(29.076.522.683)	1.723.477.317	30.800.000.000	(28.252.721.851)	2.547.278.149
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (3)	26.300.000.000	(26.300.000.000)	-	26.300.000.000	(26.300.000.000)	-
Công ty CP Các giải pháp nội thất (4)	4.500.000.000	(2.776.522.683)	1.723.477.317	4.500.000.000	(1.952.721.851)	2.547.278.149
- Đầu tư vào đơn vị khác	6.200.500.000	-	6.200.500.000	6.200.500.000	-	6.200.500.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (5)	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (6)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	248.393.580.000	(29.076.522.683)	219.317.057.317	248.393.580.000	(28.252.721.851)	220.140.858.149

+ Các khoản đầu tư trên không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi tiết khoản đầu tư

(1) Công ty CP Hồng Hà Hà Nội

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Hồng Hà Hà Nội: nhà thầu xây lắp.

(2) Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: KĐT Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí: nhà thầu xây lắp và kinh doanh bất động sản.

(3) Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại gạch trung áp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: cung cấp gạch khí trung áp các loại.

(4) Công ty CP Các giải pháp nội thất

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Các giải pháp nội thất: cung cấp lắp đặt nội thất.

(5) Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 96 Hà Huy Tập, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào nên chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào.

(6) Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 35 Bến Tàu, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh: nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (2)	5.200.000.000	-	5.200.000.000	-
	60.200.000.000	(55.000.000.000)	60.200.000.000	(55.000.000.000)

(1) Là khoản Công ty cho Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

(2) Khoản cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn ngày 24/7/2015, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 9%/năm.

- Hợp đồng vay vốn ngày 02/11/2017, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 8,4%/năm.

- Hợp đồng vay vốn ngày 15/01/2018 mức cho vay là 1 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 8,4%/năm.

- Khoản Công ty cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo Công văn số 156/CV ngày 15/01/2018 của Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí, lãi suất cho vay 0%/năm.

- Là khoản Công ty cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo Công văn số 169/CV ngày 24/05/2018, Công văn số 186B/CV ngày 23/01/2019 với số tiền 300.000.000 đồng và Công văn số 187/CV ngày 27/02/2019 với số tiền 500.000.000. Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) **Phải thu về cho vay là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2

6. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khác	269.812.136	-	170.144.928	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phú Vinh Thành	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch	40.144.928	-	40.144.928	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	133.555.208	-	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	-	-	80.000.000	-
Các đối tượng khác	46.112.000	-	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Dư Nợ TK 3388	21.978.808.290	(6.025.555.900)	21.908.824.890	(6.025.555.900)
Lãi dự thu khoản cho vay	6.811.072.900	(6.025.555.900)	6.745.234.900	(6.025.555.900)
- Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
- Công ty CP Sóng Đá Hồng Hà Dầu khí	785.517.000	-	499.733.000	-
- Công ty CP Đầu tư phát triển Hà Thành	-	-	219.946.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Công ty TNHH Phong Thịnh (2)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Các đối tượng khác	383.645.400	-	379.500.000	-
Cộng	22.248.620.426	(6.025.555.900)	22.078.969.818	(6.025.555.900)

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

(2) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

7. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Cộng	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	187.376.935.836	-	201.529.263.678	-
Cộng	187.376.935.836	-	201.529.263.678	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2020	315.225.427	23.952.362.434	6.688.377.781	683.966.203	31.639.931.845
Mua trong năm	-	3.329.449.995	-	84.558.000	3.414.007.995
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.987.682.618)	(351.353.028)	-	(5.339.035.646)
Giảm khác (*)	-	(803.804.012)	-	-	(803.804.012)
Số dư ngày 31/12/2020	315.225.427	21.490.325.799	6.337.024.753	768.524.203	28.911.100.182
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2020	315.225.427	14.009.431.421	4.245.336.200	606.707.749	19.176.700.797
Khấu hao trong năm	-	3.599.125.857	799.606.143	63.001.254	4.461.733.254
Thanh lý nhượng bán	-	(4.987.682.618)	(131.757.372)	-	(5.119.439.990)
Giảm khác (*)	-	(707.533.360)	-	-	(707.533.360)
Số dư ngày 31/12/2020	315.225.427	11.913.341.300	4.913.184.971	669.709.003	17.811.460.701
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	-	9.942.931.013	2.443.041.581	77.258.454	12.463.231.048
Tại ngày 31/12/2020	-	9.576.984.499	1.423.839.782	98.815.200	11.099.639.481

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.676.873.131 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7.807.872.166 VND).

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.943.461.757 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9.459.387.649 VND).

(*) Giảm khác là TSCĐ mất mát khi kiểm kê cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	4.083.552.497	3.372.787.423
Cộng	4.083.552.497	3.372.787.423

11. Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	626.251.433	10.753.811
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
Cộng	33.137.501.433	32.522.003.811

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được Công ty ghi nhận và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ. Từ năm 2017 đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020, khoản nêu trên chưa được phân bổ.

12. Phải trả người bán

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	101.275.379.305	101.275.379.305	118.211.994.207	118.211.994.207
Nguyễn Chí Việt	3.515.097.519	3.515.097.519	5.523.891.769	5.523.891.769
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	-	8.296.908.204	8.296.908.204
Công ty CP Đầu tư xây dựng phát triển nhà Vạn Xuân	9.863.565.778	9.863.565.778	9.042.396.778	9.042.396.778
Công ty CP Kỹ thuật công nghiệp Á Châu	14.643.211.949	14.643.211.949	12.501.951.077	12.501.951.077
Các đối tượng khác	73.253.504.059	73.253.504.059	82.846.846.379	82.846.846.379
b) Dài hạn	8.296.908.204	8.296.908.204	-	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	8.296.908.204	8.296.908.204	-	-
Cộng	109.572.287.509	109.572.287.509	118.211.994.207	118.211.994.207

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Bệnh viện Việt Đức	174.245.119.000	185.521.197.300
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	448.189.000	-
Các đối tượng khác	302.185.000	270
Cộng	174.995.493.000	185.521.197.570

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2020
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	-	718.414.240	718.414.240	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.367.100	241.710.340	271.077.440	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	710.765.074	338.756.394	372.008.680
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	29.367.100	1.674.889.654	1.332.248.074	372.008.680
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	139.440.000	-	-	139.440.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.422.408	-	-	13.422.408
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	215.100.692	215.100.692
Cộng	152.862.408	-	215.100.692	367.963.100

15. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí công trình:	7.194.531.472	835.604.126
Thi công công trình Tứ Hiệp HHDK	7.194.531.472	727.707.859
Phí bảo lãnh ngân hàng	-	107.896.267
Cộng	7.194.531.472	835.604.126

16. Phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	669.348.768	529.840.768
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.111.524.253	942.169.727
Cổ tức phải trả	671.181.000	671.181.000
Mua TSCĐ của công ty CP Hồng Hà Hà Nội	660.092.000	-
Lãi vay phải trả	148.597.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	631.654.253	270.988.727
Cộng	2.780.873.021	1.472.010.495

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong năm		Đơn vị tính: VND 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	32.014.145.210	32.014.145.210	92.909.239.511	109.373.764.172	48.478.669.871	48.478.669.871
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>32.014.145.210</i>	<i>32.014.145.210</i>	<i>92.909.239.511</i>	<i>109.373.764.172</i>	<i>48.478.669.871</i>	<i>48.478.669.871</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	31.414.145.210	31.414.145.210	89.162.495.111	57.748.349.901	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình (2)	-	-	1.146.744.400	40.795.143.271	39.648.398.871	39.648.398.871
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội (3)	-	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
Bùi Thị Thu Huyền (4)	600.000.000	600.000.000	600.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	2.000.000.000	7.630.271.000	5.630.271.000	5.630.271.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.822.000.000	10.822.000.000	11.122.000.000	1.796.665.912	1.496.665.912	1.496.665.912
<i>Vay dài hạn</i>	<i>10.822.000.000</i>	<i>10.822.000.000</i>	<i>11.122.000.000</i>	<i>1.796.665.912</i>	<i>1.496.665.912</i>	<i>1.496.665.912</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	-	-	-	1.496.665.912	1.496.665.912	1.496.665.912
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội (3)	3.800.000.000	3.800.000.000	4.100.000.000	300.000.000	-	-
Lê Vinh Việt (5)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Việt Cường (6)	4.022.000.000	4.022.000.000	4.022.000.000	-	-	-
Tổng cộng	42.836.145.210	42.836.145.210	104.031.239.511	111.170.430.084	49.975.335.783	49.975.335.783

(1) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay dài hạn ngân hàng theo Hợp đồng cho vay từng lần số 23/2017-HỆTDTH/NHCT146-HONG HA VN ngày 17/05/2017. Hạn mức tín dụng 8.150.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay để đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội. Khoản vay đã tắt toán trong năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2020-HĐCVTL/NHCT146-HONGHAVN ngày 21/01/2020 hạn mức cho vay 40.000.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân là thời gian từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2020, thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay là 15/02/2021. Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động thi công lắp đặt phần còn lại của hệ thống M&E Công trình Nhà CT11, CT12, CT13 thuộc Dự án Xây dựng khu nhà ở thương mại giai đoạn I tại địa điểm Ô đất N01B và N02, KĐT mới Tứ Hiệp theo Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng số 02D-4/PLHĐXD/THHHDK-HVN ngày 30/08/2019. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2018//HĐBĐ/NHCT146-HONGHAVN-M&E TH ngày 23/08/2018.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2020-HĐCVTL/NHCT146-HONGHAVN ngày 16/01/2020 hạn mức cho vay 70.000.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân là thời gian từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2020, thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay là 15/01/2021. Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động thi công phần thân thô, phần hoàn thiện Công trình Nhà CT11, CT12, CT13 thuộc Dự án Xây dựng khu nhà ở thương mại giai đoạn I tại địa điểm Ô đất N01B và N02, KĐT mới Tứ Hiệp theo Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng số 13-12/PLHĐXD/THHHDK-HVN ngày 20/02/2019. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đảm bảo số 94/2017-HĐTC.NHCT146-HONGHAVN ngày 14/12/2017.

(2) Khoản vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 58757.16.003.5466.TD ngày 20/9/2016, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số 58757.16.003.5466.TD.PL03 ngày 11/01/2019. Hạn mức công trình: 45.000.000.000 đồng; doanh số cho vay tối đa: 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: Tối đa 3 tháng kể từ thời điểm kết thúc thời gian thi công công trình theo Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng thi công. Lãi suất áp dụng theo văn bản nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVĐ-01 ngày 24/02/2015 đã ký với Ban quản lý dự án Y tế trọng điểm. Tài sản đảm bảo là: 01 ô tô Mercedes-benz BKS 30A-75639; 8.158.000 cổ phiếu tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí, giá trị được định giá là 81,58 tỷ đồng; quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVĐ-01 ngày 24/2/2015 về việc thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang.

(3) Hợp đồng vay vốn ngày 10/02/2020 mục đích sử dụng vốn lưu động phục vụ thi công Công trình CT11 Khu đô thị mới Tứ Hiệp, thời hạn vay tối đa 02 tháng, lãi suất cho vay 0,3%/năm và phụ lục hợp đồng vay vốn gia hạn khoản vay đến ngày 31/12/2022, lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2020 là 0%/năm.

(4) Hợp đồng vay vốn cá nhân lãi suất 0%/năm, không kỳ hạn, mục đích vay sử dụng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(5) Hợp đồng vay vốn ngày 22/06/2020, lãi suất từ 3,7%/năm, thời hạn vay tối đa 2 năm, mục đích vay sử dụng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(6) Hợp đồng vay vốn cá nhân lãi suất từ 3,7%/năm, thời hạn vay tối đa 2 năm, mục đích vay sử dụng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***18. Vốn chủ sở hữu****18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.112.040.119)	(23.446.628.159)	215.138.106.222
Lãi trong năm trước	-	-	-	612.745.542	612.745.542
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Phí lưu ký cổ phiếu quỹ	-	-	(5.961.958)	-	(5.961.958)
Số dư tại ngày 31/12/2019	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	(22.833.882.617)	215.744.889.806
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.174.401.911	7.174.401.911
Tăng cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2020	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	(15.659.480.706)	222.919.291.717

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu**18.4 Các quỹ của công ty**

Khoản mục	01/01/2020	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	-	-	23.897.888.303
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	-	-	4.232.251.900
Cộng	28.130.140.203	-	-	28.130.140.203

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu xây lắp	219.579.376.449	180.841.729.803
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.470.117.371	1.126.867.302
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	7.965.000.000
Cộng	222.049.493.820	189.933.597.105

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn xây lắp	194.851.113.745	171.086.148.249
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.416.692.111	1.123.211.572
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	6.258.897.481
Cộng	197.267.805.856	178.468.257.302

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	426.958.835	598.156.263
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	80.000.000
Cộng	426.958.835	678.156.263

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	3.443.580.549	3.755.175.979
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết	823.800.832	1.377.074.060
Cộng	4.267.381.381	5.132.250.039

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.273.646.288	8.730.874.945
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	155.422.576	152.961.876
Chi phí khấu hao TSCĐ	829.668.054	910.939.600
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.916.448.028	5.292.483.156
Chi phí khác bằng tiền	608.534.417	1.357.730.638
Cộng	14.787.719.363	16.448.990.215
6. Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	3.805.158.102	1.517.790.943
Xử lý công nợ không phải trả	-	10.750.999.110
Thu phạt đội công trình làm hỏng tài sản cố định	-	29.909.500
Thu nhập khác	-	318.209.409
Cộng	3.805.158.102	12.616.908.962
7. Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí phạt hành chính, vi phạm thuế	219.091.519	21.283.200
Xử lý công nợ khó đòi	-	2.203.724.676
Chi phí khấu hao không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	2.556.998.025	-
Chi phí khác	8.212.702	-
Cộng	2.784.302.246	2.225.007.876
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	7.174.401.911	(752.899.882)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	80.000.000
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.776.089.544	3.776.459.179
<i>Chi phí lãi vay không được trừ</i>	-	3.755.175.979
<i>Chi phí phạt hành chính, vi phạm thuế</i>	219.091.519	21.283.200
<i>Chi phí khấu hao</i>	2.556.998.025	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(9.950.491.455)	(2.943.559.297)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Hoạt động sản xuất kinh doanh bất động sản		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.707.056.780
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.707.056.780
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm hiện hành	-	341.411.356
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	341.411.356

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.302.549.421	230.874.938.069
Chi phí nhân công	18.962.826.328	33.096.588.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.904.735.229	2.346.369.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.557.804.076	13.955.262.692
Chi phí khác bằng tiền	13.648.176.034	14.664.764.332
Cộng	198.376.091.088	294.937.923.435

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	100.831.239.511	130.003.602.041
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(107.970.430.084)	(174.218.229.308)

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 18 ngày 20/1/2021, Công ty thay đổi trụ sở sang địa chỉ mới là Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Các giải pháp nội thất	Công ty liên kết

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu	114.128.057.087	169.174.760.423
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	114.128.057.087	169.174.760.423
Mua hàng	257.400.000	3.547.644.870
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	(2.640.196.983)
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	257.400.000	4.838.354.876
Công ty CP Các giải pháp nội thất	-	1.349.486.977
Doanh thu từ lãi cho vay	285.784.000	293.635.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	8.631.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	285.784.000	285.004.000
Vay	4.100.000.000	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	4.100.000.000	-
Trả gốc vay	3.500.000.000	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	4.704.000	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	4.704.000	-

b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	33.174.529.020	11.866.138.474
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	33.174.529.020	11.866.138.474
Phải thu về cho vay	5.200.000.000	5.200.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	5.200.000.000	5.200.000.000
Phải thu khác	919.072.208	499.733.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	133.555.208	-
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	785.517.000	499.733.000
Phải trả người bán	9.012.297.515	8.592.674.199
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	8.296.908.204	8.296.908.204
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	21.238.949	28.238.653
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	-	267.527.342
Công ty CP Các giải pháp nội thất	694.150.362	-
Trả trước cho người bán	3.274.029.330	6.113.489.710
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	3.274.029.330	3.659.769.458
Công ty CP Các giải pháp nội thất	-	2.453.720.252

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Người mua trả tiền trước	448.189.000	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	448.189.000	-
Phải trả vay	3.800.000.000	3.200.000.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.800.000.000	3.200.000.000
Phải trả khác	664.796.000	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	664.796.000	-

c) Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lương, thưởng	1.493.373.000	1.354.830.000
Cộng	1.493.373.000	1.354.830.000

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản vay	42.836.145.210	49.975.335.783
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(33.785.111.086)	(6.832.996.575)
Nợ thuần	9.051.034.124	43.142.339.208
Vốn chủ sở hữu	251.049.431.920	243.875.030.009
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	4%	18%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Giá trị ghi số	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.785.111.086	6.832.996.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.957.404.947	49.957.364.729
Các khoản đầu tư tài chính	11.400.500.000	11.400.500.000
Cộng	116.143.016.033	68.190.861.304
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	42.836.145.210	49.975.335.783
Phải trả người bán và phải trả khác	112.353.160.530	119.684.004.702
Chi phí phải trả	7.194.531.472	835.604.126
Cộng	162.383.837.212	170.494.944.611

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	104.056.252.326	8.296.908.204	112.353.160.530
Chi phí phải trả	7.194.531.472	-	7.194.531.472
Các khoản vay	32.014.145.210	10.822.000.000	42.836.145.210
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	119.684.004.702	-	119.684.004.702
Chi phí phải trả	835.604.126	-	835.604.126
Các khoản vay	48.478.669.871	1.496.665.912	49.975.335.783

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.785.111.086	-	33.785.111.086
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.957.404.947	-	70.957.404.947
Các khoản đầu tư tài chính	5.200.000.000	6.200.500.000	11.400.500.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.832.996.575	-	6.832.996.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.957.364.729	-	49.957.364.729
Các khoản đầu tư tài chính	5.200.000.000	6.200.500.000	11.400.500.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Phó Tổng giám đốc



Phạm Thị Cẩm Anh